TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-ST
Ngày 05 - 6- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST- DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "*Hợp đồng dân sự vay tài sản,hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trương Thị X, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện B, tỉnh T (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh T (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Hoàng C, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án chị L trình bày: chị cho bà X vay tiền ba lần cụ thể như sau: lần 1 ngày 01-4-2017 âm lịch cho vay 50.000.000 đồng; lần 2 ngày 05-4-2017 âm lịch cho vay 40.000.000 đồng; lần 3 ngày 10-4-2017 âm lịch cho vay 50.000.000 đồng; các lần cho vay không có làm giấy,

không kỳ hạn, lãi suất cho vay 03% tháng. Bà X vay tiền về giao lại cho con là Nguyễn Thị Tố N mang vào Công ty cho vay lại kiếm lời. Ngày 18-5-2017 âm lịch bà X viết giấy nợ số 144.200.000 đồng (Trong đó 140.000.000 đồng tiền cho vay và 4.200.000 đồng tiền nợ do bà X mua gạo thiếu trước đó). Bà X hứa mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng không thực hiện đúng, từ ngày 02-6-2017 âm lịch đến ngày 26-12-2017 âm lịch trả được số tiền 10.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu bà X, ông Đ phải trả 134.200.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Anh Đỗ Hoàng C nhất trí với lời trình bày và yêu cầu của chị L.

Bị đơn bà X trình bày: bà không có vay số tiền vay 140.000.000 đồng của chị L mà Nguyễn Thị Tố N (Con bà X) vay để mang vào Công ty cho vay lại kiếm lời; N mua gạo thiếu của chị L số tiền 4.200.000 đồng bà hoàn toàn không biết; chị L đòi thì chị N không có khả năng trả nợ nên ngày 18-5-2017 âm lịch bà và chị N đến nhà chị L viết giấy nợ số tiền 144.200.000 đồng, sau đó trả cho chị L nhiều lần được 10.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho chị L số tiền 134.200.000 đồng; ông Đ không biết số nợ này nên ông Đ không có nghĩa vụ cùng với bà để trả nợ; còn chị N bỏ nhà đi Malaysia bà không biết địa chỉ cụ thể.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng ông Đ không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: bà X cho rằng Nguyễn Thị Tố N (Con bà X) là người vay tiền của chị L, nhưng bà không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Căn cứ vào giấy lập ngày 18-5-2017 âm lịch có nội dung " *Dì 5 X có nợ vợ chồng em L số tiền 144.200.000 đồng*" giấy này do bà tự viết và ký tên; như vậy có căn cứ xác định bà X là người vay tiền của vợ chồng chị L. Bà X vay tiền về giao lại cho Nguyễn Thị Tố N (Con bà X) đem vào trong Công ty cho vay lại, số tiền vay không sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà X đã trả tiền vay cho chị L nhiều lần được 10.000.000 đồng; do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc một mình bà X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị L số tiền vay 130.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà X thừa nhận có mua gạo thiếu của vợ chồng chị L về sử dụng chung trong gia đình, hiện nay còn nợ 4.200.000 đồng; nay vợ chồng chị L yêu cầu vợ chồng bà X trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi, vợ chồng chị L không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông Đ nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt ông Đ là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị L, anh C cho rằng bà X là người trực tiếp vay số tiền 140.000.000 đồng, nên yêu cầu vợ chồng bà X cùng trả nợ; bà X không thừa nhận và cho rằng Nguyễn Thị Tố N (Con bà X) là người vay, nhưng bà X không đưa ra được chứng cứ, chứng minh. Căn cứ vào giấy lập ngày 18-5-2017 âm lịch có nội dung " *Dì 5 X có nợ vợ chồng em L số tiền 144.200.000 đồng*", trong quá trình giải quyết vụ án chị L và bà X xác định trong đó tiền vay 140.000.000 đồng, tiền mua gạo thiếu 4.200.000 đồng, bà X thừa nhận giấy nợ do bà tự viết và ký tên; như vậy có căn cứ xác định bà X là người vay tiền của vợ chồng chị L. Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên tòa chị L, bà X đều xác định bà X vay tiền về giao lại cho Nguyễn Thị Tố N (Con bà X) đem vào trong Công ty cho vay lại, như vậy số tiền vay không sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, lúc bà X vay tiền ông Đ không biết, giấy nợ do một mình bà X viết; bà X đã trả tiền vay cho chị L nhiều lần được 10.000.000 đồng; xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên buộc một mình bà X phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị L số tiền vay 130.000.000 đồng; không có căn cứ buộc ông Đ cùng trả nợ nên không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng chị L.

[3] Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên Tòa bà X thừa nhận có mua gạo thiếu của vợ chồng chị L về sử dụng chung trong gia đình, hiện nay còn nợ 4.200.000 đồng; vợ chồng chị L yêu cầu vợ chồng bà X trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc vợ chồng bà X phải trả số tiền 4.200.000 đồng.

[4] Về lãi suất: vợ chồng chị L không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng chị L nên bà X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 05% đối với số tiền 130.000.000 đồng; vợ chồng bà i phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 05% đối với số tiền 4.200.000 đồng theo qui định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, 463 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đối với bị đơn bà Trương Thị X, ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Hoàng C.

2. Buộc bà Trương Thị X phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị L và anh Đỗ Hoàng C số tiền 130.000.000 (Một trăm ba mươi triệu) đồng.

3. Buộc bà Trương Thị X và ông Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị L và anh Đỗ Hoàng Ch số tiền 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: bà Trương Thị X phải chịu 6.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Trương Thị X và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 210.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho chị Võ Thị L 3.355.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013107 ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng ông Đ vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tùng